

TRƯỜNG THCS & THPT MENSA
HỘI ĐỒNG THI THỬ VÀO LỚP 10 LẦN 2

ĐIỂM THI PHÒNG 01

STT	SBD	Họ Và Tên	Ngày sinh	Điểm thi			Tổng
				Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	
1	MS001	Dương Trần Đức An	6/11/2010	6,25	5,25	4,5	16
2	MS002	Lê Việt Anh	11/11/2010	0,25	4	2,6	6,85
3	MS003	Trịnh Quang Anh	06/05/2010	5,5	7,5	3,5	16,5
4	MS004	Trần Thị Ngọc Anh	28/9/2010				0
5	MS005	Nguyễn Thế Anh	25/2/2010	5,5	4,75	4,8	15,05
6	MS006	Nguyễn Ngọc Anh	23/07/2010				0
7	MS007	Phạm Quỳnh Anh	18/06/2010	8,75	7,5	7,2	23,45
8	MS008	Lê Việt Anh	7/9/2010	5	5,75	3,7	14,45
9	MS009	Lê Lưu Quỳnh Anh	19/11/2010				0
10	MS010	Đào Thị Thùy Anh	12/12/2010				0
11	MS011	Vũ Ngọc Ánh	21/02/2010				0
12	MS012	Nguyễn Ngọc Ánh	24/3/2010	4,25	3	2,7	9,95
13	MS013	Đinh Gia Bảo	25/11/2010	7,25	5,5	8,1	20,85
14	MS014	Quyền Quốc Bảo	23/03/2010	4	4,5	5,5	14
15	MS015	Nguyễn Gia Bảo	29/05/2010	4,5	5	5	14,5
16	MS016	Phạm Băng Băng	11/01/2010	5	6,25	9	20,25
17	MS017	Nguyễn Thanh Chà	06/11/2010	2,5	6,25	2,7	11,45
18	MS018	Phạm Quốc Cường	20/02/2010	0,5	3,75	1,9	6,15
19	MS019	Trương Ngọc Diệp	27/1/2010	5	6,25	3,1	14,35
20	MS020	Nguyễn Thị Thùy Dung	6/12/2010	4	6,5	3	13,5
21	MS021	Lê Nguyễn Hoàng Duy	3/9/2010	5	6,25	6,9	18,15
22	MS022	Phạm Ánh Dương	27/03/2010	5,75	5,75	3,7	15,2
23	MS023	Nguyễn Bách Đại	03/12/2010	3,5	6,75	5,3	15,55
24	MS024	Đinh Trọng Đạt	25/05/2010	6,75	6,5	7,9	21,15
25	MS025	Nguyễn Việt Đăng	28/8/2010	3,5	7,5	8,7	19,7

Số thí sinh dự thi: 25

Phụ Lý, ngày 28 tháng 05 năm 2025



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Nhung

Được quét bằng CamScanner

TRƯỜNG THCS & THPT Mенса
HỘI ĐỒNG THI THỬ VÀO LỚP 10 LẦN 2

ĐIỂM THI PHÒNG 02

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm thi			Tổng
				Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	
1	MS026	Nguyễn Hải Đăng	5/11/2010	5,75	6,25	5,2	17,2
2	MS027	Nguyễn Hoàng Minh Đức	12/06/2010				0
3	MS028	Trần Chung Đức	22/10/2010	6,5	5,25	5,9	17,65
4	MS029	Lại Minh Đức	07/02/2010	5,5	4,5	2,9	12,9
5	MS030	Nguyễn Xuân Đức	31/01/2010	2,5	5,75	2,8	11,05
6	MS031	Phan Tuấn Đức	23/07/2010	4,75	6,25	3,8	14,8
7	MS032	Nguyễn Linh Giang	01/10/2010	2,75	5,25	3,1	11,1
8	MS033	Lưu Hương Giang	03/10/2010	5	5,25	2,1	12,35
9	MS034	Trịnh Minh Giang	20/12/2010	6	5,5	4,2	15,7
10	MS035	Lương Thị Thúy Hà	20/09/2010	6,25	6,5	4,6	17,35
11	MS036	Vũ Trần Nhật Hải	03/07/2010	5,75	5,25	5,7	16,7
12	MS037	Nguyễn Hoàng Hải	14/10/2010				0
13	MS038	Nguyễn Thị Minh Hằng	02/01/2010				0
14	MS039	Trịnh Duy Hiền	21/10/2010				0
15	MS040	Đỗ Trọng Hiếu	23/07/2010	5	4	2,4	11,4
16	MS041	Vũ Dương Quỳnh Hoa	08/11/2010	8,5	6,75	5,8	21,05
17	MS042	Lê Xuân Hoàng		8	6,25	6,6	20,85
18	MS043	Nguyễn Công Hùng	23/8/2010	9,75	6	7,5	23,25
19	MS044	Đặng Quốc Huy	01/01/2010	8	6,25	4,6	18,85
20	MS045	Nguyễn Khánh Huy	27/11/2010	0,5	2,25	2,4	5,15
21	MS046	Phạm Nguyễn Gia Huy	02/9/2010	1	6,25	4,9	12,15
22	MS047	Phan Anh Huy	26/11/2010	6	5,5	4,2	15,7
23	MS048	Vũ Minh Huy	06/03/2010				0
24	MS049	Nguyễn Thị Khánh Huyền	06/09/2010	4	5,5	4,6	14,1
25	MS050	Nguyễn Gia Hưng		2,75	5,75	1,8	10,3

Số thí sinh dự thi: 25

Phụ Lý ngày 28 tháng 05 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
 (Ký và ghi rõ họ tên)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Bùi Thị Nhung

Được quét bằng CamScanner

TRƯỜNG THCS & THPT MENSA
HỘI ĐỒNG THI THỬ VÀO LỚP 10 LẦN 2

ĐIỂM THI PHÒNG 03

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm thi			Tổng
				Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	
1	MS051	Trần Duy Hưng	28/10/2010	7,75	6,75	6,5	21
2	MS052	Lữ Anh Khoa	10/2/2010	4,75	7,25	4,2	16,2
3	MS053	Trương Minh Khôi	20/01/2010	5,75	5	5,6	16,35
4	MS054	Nguyễn Đức Kiên	19/02/2010	5,75	6	5,2	16,95
5	MS055	Trần Hữu Trí Kiệt	16/8/2010	5,75	7	8,9	21,65
6	MS056	Nguyễn Ngọc Lan	22/07/2010	4,25	4,5	6,4	15,15
7	MS057	Vũ Tuệ Lâm	6/8/2010	5	7,25	4,3	16,55
8	MS058	Phạm Minh Lâm	8/4/2010				0
9	MS059	Phan Bảo Lâm	25/03/2010	8	6,5	3,8	18,3
10	MS060	Đặng Ngọc Linh	5/10/2010	3,25	3	2,1	8,35
11	MS061	Trương Gia Linh	22/07/2010	7	7,75	9,8	24,55
12	MS062	Lê Gia Linh	21/11/2010	8,25	8	8,9	25,15
13	MS063	Trịnh Thiên Long	28/02/2010				0
14	MS064	Nguyễn Xuân Mai	21/01/2010	4,5	7	9,1	20,6
15	MS065	Nguyễn Hoàng Minh	30/05/2010				0
16	MS066	Nguyễn Hồng Nhật Minh	12/12/2010	6,5	8	9,1	23,6
17	MS067	Quyền Nhật Minh	11/09/2010	3,5	5,75	4	13,25
18	MS068	Nguyễn Nhật Minh	23/01/2010	7,25	5,5	4,2	16,95
19	MS069	Phan Nhật Minh	09/12/2010	6,75	5,25	6,8	18,8
20	MS070	Trương Tuấn Minh	06/10/2010	0,75	4,25	3,7	8,7
21	MS071	Vũ Tuấn Minh	12/8/2010	5,75	7,25	7,1	20,1
22	MS072	Lê Hải Nam	18/3/2010	4	5,75	5,5	15,25
23	MS073	Lê Bảo Nam	13/4/2010	4,5	5,5	3,7	13,7
24	MS074	Đào Hằng Nga	02/10/2010	4,75	7,75	5,6	18,1
25	MS075	Nguyễn Kim Ngân	09/10/2010	3,25	6,25	3	12,5

Số thí sinh dự thi: 25

Phù Lý, ngày 28 tháng 05 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
 (Ký và ghi rõ họ tên)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Bùi Thị Nhung

TRƯỜNG THCS & THPT MENSA
HỘI ĐỒNG THI THỬ VÀO LỚP 10 LẦN 2

ĐIỂM THI PHÒNG 04

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm thi			Tổng
				Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	
1	MS076	Nguyễn Trọng Nghĩa	03/04/2010	4,5	6,5	3,2	14,2
2	MS077	Nguyễn Khánh Ngọc	17/7/2010	4,25	4,25	5,4	13,9
3	MS078	Lê Hồng Ngọc	01/08/2010	3,5	4,75	3,1	11,35
4	MS079	Lê Bảo Ngọc	22/06/2010	4,5	7,25	5,9	17,65
5	MS080	Vũ Xuân Ngọc	04/04/2010	5,75	6,75	5,5	18
6	MS081	Trần Lê Thảo Nguyên	28/02/2010	4,75	6,5	7,1	18,35
7	MS082	Vũ Bình Nguyên	27/06/2010	3,25	1,5	4,6	9,35
8	MS083	Nguyễn Trọng Nhân	14/10/2010	4,5	5,25	2,5	12,25
9	MS084	Nguyễn Gia Nhi	06/07/2010	3	6,25	3,5	12,75
10	MS085	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	15/11/2010	2,25	4,5	3	9,75
11	MS086	Trần Đức Nam Phong	21/10/2010	7	6,5	6,1	19,6
12	MS087	Phạm Thiên Phú	28/10/2010	5	4,75	6,8	16,55
13	MS088	Nguyễn Mai Phương	30/7/201	7	8,25	8,5	23,75
14	MS089	Nguyễn Mai Phương	12/11/2010	6,25	5,25	6,6	18,1
15	MS090	Nguyễn Thị Thanh Phương	3/11/2010	2	2,25	3	7,25
16	MS091	Hoàng Lan Phương	12/04/2010	7,25	6	4,6	17,85
17	MS092	Nguyễn Thanh Phương	12/07/2010	4,75	8	6,1	18,85
18	MS093	Trần Thế Quốc	16/11/2010	7,25	7	7,9	22,15
19	MS094	Vũ Lê Minh Quý	07/05/2010	7	5,75	8,7	21,45
20	MS095	Trần Thị Hồng Quyên	11/4/2010				0
21	MS096	Nguyễn Thị Tú Quyên	22/09/2010	4	4,25	2,4	10,65
22	MS097	Nguyễn Giang Sơn	18/01/2010	4,25	5,75	4	14
23	MS098	Lê Minh Tâm		6	5,25	6,4	17,65
24	MS099	Lê Duy Thái	16/62010	2,5	6,25	2	10,75
25	MS100	Hoàng Lê Hồng Thái	18/01/2010	7,25	7,5	4,5	19,25

Số thí sinh dự thi: 25

Phụ lục ngày 28 tháng 05 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
 (Kí và ghi rõ họ tên)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Bùi Thị Nhung

TRƯỜNG THCS & THPT MENSA
HỘI ĐỒNG THI THỬ VÀO LỚP 10 LẦN 2

ĐIỂM THI PHÒNG 05

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm thi			Tổng
				Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	
1	MS101	Trần Thị Phương Thảo	25/01/2010	2,5	5,25	2,8	10,55
2	MS102	Nguyễn Hiếu Thiện	07/07/2010	8	6,25	7,5	21,75
3	MS103	Mai Lê Thịnh	24/01/2010	5,5	5,5	7,1	18,1
4	MS104	Đoàn Minh Thông		4,5	6,5	5,1	16,1
5	MS105	Trần Thị Anh Thơ	28/05/2010	6,75	7,5	5,2	19,45
6	MS106	Phạm Nguyệt Thu	25/11/2010				0
7	MS107	Bạch Thanh Thúy	25/9/2010	3,75	6	2,3	12,05
8	MS108	Nguyễn Đan Thư	17/10/2010	5,5	6	6,3	17,8
9	MS109	Nguyễn Phạm Minh Trang	18/04/2010	1	5,75	1,1	7,85
10	MS110	Nguyễn Thị Trang	9/10/2010	2,75	5,5	4,5	12,75
11	MS111	Doãn Thị Hiền Trang	26/08/2010	0,5	5,5	2,1	8,1
12	MS112	Ngô Mai Trang	28/07/2010	4,25	7,5	4,4	16,15
13	MS113	Trần Quang Trọng	11/10/2010	7,25	5,5	7,1	19,85
14	MS114	Đỗ Đức Trung	27/10/2010	5,25	6,25	3,5	15
15	MS115	Mai Đức Truyền	22/09/2010	2	5	2,3	9,3
16	MS116	Đinh Thế Minh Tú	14/11/2010	7	7,25	8,3	22,55
17	MS117	Ngô Tuấn Tú	21/07/2010	5,25	5,5	5,2	15,95
18	MS118	Đỗ Quốc Tùng	12/09/2010	0,5	4,25	1,8	6,55
19	MS119	Mai Tú Uyên	06/09/2010	4,25	7,5	7,2	18,95
20	MS120	Cao Thị Thanh Vân	19/09/2010	5,25	7	2,7	14,95
21	MS121	Nguyễn Huy Vinh	03/01/2010	7,75	6,75	6,4	20,9
22	MS122	Nguyễn Hạ Vy	23/4/2010	6,25	6,5	3,6	16,35
23	MS123	Trần Minh Vy	21/10/2010	5,5	7	4,9	17,4
24	MS124	Dương Đức Minh	21/11/2010	1	5,25	2,9	9,15
25	MS125	Bùi Lương Cẩm Ly	21/04/2010	5	7,5	6,6	19,1
26	MS126	Tạ Thu Hiền		6,5	5,75	4,4	16,65

Số thí sinh dự thi: 26

Phụ lục, ngày 28 tháng 05 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
 (Kí và ghi rõ họ tên)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Bùi Thị Nhung